STROMAN
Đẳng Cấp Đức. Sức Sống Mới

CÔNG TY CP NHỰA STROMAN
Nhà máy: Lô B01, Đường Số 1, KCN Tân Á Đại Thành, Đức Hòa, Long An, Việt Nam
Hotline: 1900 6086 – **Fax:** (08) 39 714 338
Website: www.stroman.vn

0106/BGO/HDPE PE100/STROMAN/17

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 100
Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Kính gửi: QUÝ KHÁCH HÀNG
Công ty CP Nhựa Stroman hân hạnh gửi Quý khách hàng báo giá sản phẩm Ống nhựa HDPE nhãn hiệu STROMAN

STT	Sản phẩm (DN)		Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy Cách		Chưa thuế	Thanh toán
1	Ø 20	20 x 1.4mm	10	6,500	7,150
		20 x 1.6mm	12.5	7,000	7,700
		20 x 2.0mm	16	7,727	8,500
2	Ø 25	25 x 1.6mm	10	8,900	9,790
		25 x 2.0mm	12.5	9,818	10,800
3	Ø 32	32 x 2.0mm	10	13,091	14,400
		32 x 2.4mm	12.5	15,455	17,000
4	Ø 40	40 x 2.0mm	8	16,545	18,200
		40 x 2.4mm	10	19,727	21,700
		40 x 3.0mm	12.5	24,091	26,500
5	Ø 50	50 x 2.4mm	8	25,182	27,700
		50 x 3.0mm	10	30,545	33,600
		50 x 3.7mm	12.5	37,000	40,700
6	Ø 63	63 x 3.0mm	8	39,545	43,500
		63 x 3.8mm	10	48,636	53,500
		63 x 4.7mm	12.5	59,000	64,900
7	Ø 75	75 x 3.6mm	8	56,455	62,100
		75 x 4.5mm	10	69,091	76,000
		75 x 5.6mm	12.5	84,091	92,500
8	Ø 90	90 x 4.3mm	8	81,000	89,100
		90 x 5.4mm	10	98,636	108,500
		90 x 6.7mm	12.5	120,000	132,000
9	Ø 110	110 x 4.2mm	6	96,818	106,500
		110 x 5.3mm	8	120,455	132,500
		110 x 6.6mm	10	148,182	163,000
		110 x 8.1mm	12.5	178,636	196,500
		110 x 10.0mm	16	214,091	235,500
10	Ø 125	125 x 4.8mm	6	125,000	137,500
		125 x 6.0mm	8	154,091	169,500
		125 x 7.4mm	10	188,364	207,200
		125 x 9.2mm	12.5	229,636	252,600
11	Ø 140	140 x 5.4mm	6	156,818	172,500
		140 x 6.7mm	8	192,455	211,700
		140 x 8.3mm	10	235,364	258,900
		140 x 10.3mm	12.5	286,909	315,600
12	Ø 160	160 x 6.2mm	8	206,273	226,900
		160 x 7.7mm	8	253,273	278,600
		160 x 9.5mm	10	308,636	339,500
		160 x 11.8mm	12.5	374,909	412,400

STRÖMAN
Đẳng Cấp Đức. Sức Sống Mới

CÔNG TY CP NHỰA STROMAN
Nhà máy: Lô B01, Đường Số 1, KCN Tân Á Đại Thành, Đức Hòa, Long An, Việt Nam
Hotline: 1900 6086 – **Fax:** (08) 39 714 338
Website: www.stroman.vn

0106/BGO/HDPE PE100/STROMAN/17

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 100
Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

STT	Sản phẩm (DN)		Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy Cách		Chưa thuế	Thanh toán
13	Ø 180	180 x 6.9mm	6	257,182	282,900
		180 x 8.6mm	8	318,091	349,900
		180 x 10.7mm	10	389,545	428,500
		180 x 13.3mm	12.5	476,727	524,400
14	Ø 200	200 x 7.7mm	6	319,182	351,100
		200 x 9.6mm	8	395,727	435,300
		200 x 11.9mm	10	483,727	532,100
		200 x 14.7mm	12.5	583,182	641,500
15	Ø 225	225 x 8.6mm	6	401,000	441,100
		225 x 10.8mm	8	498,000	547,800
		225 x 13.4mm	10	606,182	666,800
		225 x 16.6mm	12.5	739,545	813,500
16	Ø 250	250 x 9.6mm	6	496,091	545,700
		250 x 11.9mm	8	608,364	669,200
		250 x 14.8mm	10	746,818	821,500
		250 x 18.4mm	12.5	909,000	999,900
17	Ø 280	280 x 10.7mm	6	617,364	679,100
		280 x 13.4mm	8	773,909	851,300
		280 x 16.6mm	10	933,636	1,027,000
		280 x 20.6mm	10	1,145,364	1,259,900
18	Ø 315	315 x 12.1mm	6	787,727	866,500
		315 x 15.0mm	8	968,909	1,065,800
		315 x 18.7mm	10	1,186,364	1,305,000
		315 x 23.2mm	10	1,444,091	1,588,500

1/ Giá trên đã bao gồm VAT.
2/ Thời gian áp dụng: Từ ngày 01 tháng 6 năm 2017 cho đến khi có thông báo mới.
3/ Phạm vi áp dụng: Khu vực TP.HCM và tất cả các tỉnh phía Nam.
Trân trọng và hợp tác!

TPHCM, ngày 01 tháng 06 năm 2017
Tổng Giám Đốc

M.S.D.N: 1101845171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA STROMAN
H. ĐỨC HÒA - T. LONG AN

NGUYỄN ANH TÚ